

CÔNG TY CP IN SÁCH GIÁO
KHOA TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .35../2025/CBTT-SAPCO

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP IN SÁCH GIÁO KHOA TP.HCM
Mã chứng khoán: SAP
Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.
Điện thoại liên hệ: 028.8331737 Fax: 38352027
E-mail: info@sapco.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán phát hành ngày 20/3/2025 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/03/2025 theo đường dẫn: <https://sapco.com.vn/sapco.aspx?page=cate&id=147>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố nêu trên.

* Tài liệu đính kèm:

- BCTC 2024 đã kiểm toán

Đại diện tổ chức
Người được UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

M. S. D. N. 03031
CỔ PHẦN
IN SÁCH GIÁO KHOA
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
M. S. D. N. 03031
QUẬN 5 - TP. HCM

MAI THỊ THANH HẢO

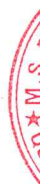


**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đã điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số đăng ký mới là 0303171300), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 06/02/2025.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 213/QĐ-SGDHN ngày 26/04/2018 với mã chứng khoán là SAP.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 028.38353171
- Fax: (84) 028.38352027
- Website: www.sapco.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 19 người. Trong đó, cán bộ khối quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Toàn | Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 10/04/2024 |
| Ông Nguyễn Kim Lan | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 10/04/2024 |
| Ông Vũ Bùi Biển | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 10/04/2024 |
| Ông Đỗ Duy Kiên | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 10/04/2024 |
| Ông Phạm Hữu Cơ | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 10/01/2025 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Ông Lê Phi Long Thành viên Bỏ nhiệm ngày 10/04/2024
Miễn nhiệm ngày 10/01/2025
- Ông Đỗ Thành Lâm Thành viên Bỏ nhiệm lại ngày 25/04/2019
Miễn nhiệm ngày 10/04/2024
- Ông Trần Văn Hưng Thành viên Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021
Miễn nhiệm ngày 10/04/2024
- Ông Lâm Drachan Thành viên Bỏ nhiệm ngày 22/04/2022
Miễn nhiệm ngày 10/04/2024

Ban Kiểm soát

- Ông Huỳnh Trung Tấn Trưởng ban Bỏ nhiệm ngày 10/01/2025
- Ông Lê Văn Huyền Trưởng ban Bỏ nhiệm ngày 25/04/2019
Miễn nhiệm ngày 10/04/2024
- Bà Võ Thị Kim Anh Trưởng ban Bỏ nhiệm ngày 16/04/2024
Miễn nhiệm ngày 10/01/2025
- Bà Bùi Thị Ánh Tuyết Thành viên Bỏ nhiệm lại ngày 10/04/2024
- Bà Huỳnh Trần Thùy Anh Thành viên Bỏ nhiệm ngày 10/04/2024
Miễn nhiệm ngày 10/01/2025
- Bà Hoàng Ngọc Mai Khanh Thành viên Bỏ nhiệm ngày 25/04/2019
Miễn nhiệm ngày 10/04/2024

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Lê Phi Long Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 08/01/2025
- Ông Lê Minh Tiến Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 11/06/2024
Miễn nhiệm ngày 08/01/2025
- Ông Lâm Drachan Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 22/04/2022
Miễn nhiệm ngày 11/06/2024
- Ông Nguyễn Đình Sáng Phó Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 11/06/2024
- Ông Nguyễn Ánh Trương Thế Bá Long Kế toán trưởng Bỏ nhiệm ngày 15/10/2024
- Bà Hồ Anh Xuân Kế toán trưởng Bỏ nhiệm ngày 11/06/2024
Miễn nhiệm ngày 15/10/2024
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Cúc Kế toán trưởng Bỏ nhiệm lại ngày 22/04/2022
Miễn nhiệm ngày 11/06/2024

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 29, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc
Giám đốc

Lê Phi Long

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 337/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 20/03/2025 của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.285.388.524	2.086.593.495
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.014.896.740	939.701.047
1. Tiền	111		1.014.896.740	439.701.047
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.181.182	504.309.017
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	75.315.940	579.624.957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		516.484	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	77.664.698	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(75.315.940)	(75.315.940)
IV. Hàng tồn kho	140	9	165.086.059	485.078.418
1. Hàng tồn kho	141		165.086.059	485.078.418
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.224.543	157.505.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	27.224.543	157.505.013
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.321.727.393	9.221.315.653
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.974.838.718	836.238.718
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	1.974.838.718	836.238.718
II. Tài sản cố định	220		535.952.304	667.873.608
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	535.952.304	667.873.608
- Nguyên giá	222		6.320.943.283	13.707.580.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.784.990.979)	(13.039.706.567)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.252.495.865	1.186.677.683
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.252.495.865	1.186.677.683
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.558.440.506	6.530.525.644
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	6.558.440.506	6.530.525.644
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.607.115.917	11.307.909.148

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)


Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.365.309.981	4.393.677.499
I. Nợ ngắn hạn	310		3.178.632.298	2.766.999.816
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	696.811.432	415.845.577
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.309.741.073	1.202.933.967
3. Phải trả người lao động	314		288.636.926	320.971.471
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	392.308.603	407.415.241
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17.a	545.305.126	140.353.769
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	-	333.650.653
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(54.170.862)	(54.170.862)
II. Nợ dài hạn	330		4.186.677.683	1.626.677.683
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	17.b	4.186.677.683	1.626.677.683
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.241.805.936	6.914.231.649
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.241.805.936	6.914.231.649
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	12.869.840.000	12.869.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.869.840.000	12.869.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	106.664.672	106.664.672
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	29.714.294	29.714.294
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	(8.764.413.030)	(6.091.987.317)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6.091.987.317)	(6.275.048.445)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.672.425.713)	183.061.128
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.607.115.917	11.307.909.148

Giám đốc

Lê Phi Long
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng


Nguyễn Ánh Trương Thế Bá Long

Người lập biểu



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	7.661.050.505	8.876.416.498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		7.661.050.505	8.876.416.498
4. Giá vốn hàng bán	11	22	6.885.421.822	6.903.255.885
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		775.628.683	1.973.160.613
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.613.429	28.173.602
7. Chi phí tài chính	22	24	13.226.227	87.633.641
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.226.227	87.633.641
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	112.032.535	174.674.978
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	4.040.495.640	2.069.148.154
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.387.512.290)	(330.122.558)
11. Thu nhập khác	31	26	840.099.581	536.979.221
12. Chi phí khác	32	27	125.013.004	4.272.954
13. Lợi nhuận khác	40		715.086.577	532.706.267
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.672.425.713)	202.583.709
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	19.522.581
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.672.425.713)	183.061.128
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(2.077)	142
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	(2.077)	142



Giám đốc

Lê Phi Long

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Ánh Trương Thế Bá Long

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.672.425.713)	202.583.709
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	11	131.921.304	67.397.488
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(644.113.429)	(364.547.231)
- Chi phí lãi vay	06	24	13.226.227	87.633.641
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.171.391.611)	(6.932.393)
- Tăng các khoản phải thu	09		(712.472.165)	(1.132.368.604)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	319.992.359	(26.968.462)
- Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.326.992.384	1.518.817.780
- Giảm chi phí trả trước	12	13	102.365.608	223.250.634
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.412.895)	(93.819.632)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.522.581)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(169.448.901)	481.979.323
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12	(65.818.182)	(665.000.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	11	641.500.000	336.373.629
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.613.429	28.173.602
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		578.295.247	(300.452.769)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(333.650.653)	(664.917.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(333.650.653)	(664.917.383)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		75.195.693	(483.390.829)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	939.701.047	1.423.091.876
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1.014.896.740	939.701.047



Giám đốc

Lê Phi Long

Kế toán trưởng

Nguyễn Ánh Trương Thế Bá Long

Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đã điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số đăng ký mới là 0303171300), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 06/02/2025.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: in ấn sách, báo, tạp chí,...

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty thực hiện sắp xếp, tái cấu trúc hoạt động in và khai thác mặt bằng, cơ sở vật chất:

- Tái cấu trúc và sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh những mảng thua lỗ.
- Di dời xưởng in xuống Chi nhánh Long An để mở rộng sản xuất, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh trong thời gian tới.
- Thực hiện hợp tác kinh doanh để khai thác mặt bằng tại 240 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	6

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (47 năm);
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn. Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% đối với các sản phẩm in theo quy định tại Nghị quyết 101/2024/QH15 ngày 24/06/2024 và Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/06/2024 của Quốc hội.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	476.000	22.861.732
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.014.420.740	416.839.315
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 3 tháng)	-	500.000.000
Cộng	1.014.896.740	939.701.047

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại - Dịch vụ Vạn An	75.315.940	75.315.940
Các đối tượng khác	-	504.309.017
Cộng	75.315.940	579.624.957

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư	-	80.292.931

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	77.664.698	-	-	-
Cộng	77.664.698	-	-	-

8. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2024	01/01/2024
Số đầu kỳ	(75.315.940)	(75.315.940)
Trích lập dự phòng tăng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	(75.315.940)	(75.315.940)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024		Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Phải thu khách hàng	75.315.940	-	75.315.940	-	
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại - Dịch vụ Vạn An</i>	75.315.940	-	75.315.940	-	Trên 3 năm
Cộng	75.315.940	-	75.315.940	-	

9. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	165.086.059	-	485.078.418	-
Cộng	165.086.059	-	485.078.418	-

- Tại 31/12/2024 không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng.
- Tại 31/12/2024 không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ.

10. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cổ tức năm 2013 chi vượt	202.838.718	-	202.838.718	-
Ký cược, ký quỹ	1.772.000.000	-	633.400.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Vạn Thương	1.172.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Gia Lợi Long An	600.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	-	-	633.400.000	-
Cộng	1.974.838.718	-	836.238.718	-

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2024 ngày 10/04/2024, số cổ tức chi vượt này sẽ được xử lý từ nguồn Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích quỹ và bù trừ lỗ các năm trước.

Tại thời điểm 31/12/2024, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty có số dư âm nên chưa bù đắp được khoản cổ tức chi vượt này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.707.961.422	11.893.093.753	75.000.000	31.525.000	13.707.580.175
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	7.386.636.892	-	-	7.386.636.892
Số cuối năm	1.707.961.422	4.506.456.861	75.000.000	31.525.000	6.320.943.283
Khấu hao					
Số đầu năm	1.672.825.906	11.331.188.993	4.166.668	31.525.000	13.039.706.567
Khấu hao trong năm	35.135.516	84.285.788	12.500.000	-	131.921.304
Giảm trong năm	-	7.386.636.892	-	-	7.386.636.892
Số cuối năm	1.707.961.422	4.028.837.889	16.666.668	31.525.000	5.784.990.979
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.135.516	561.904.760	70.833.332	-	667.873.608
Số cuối năm	-	477.618.972	58.333.332	-	535.952.304

- Tại ngày 31/12/2024 không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 5.655.943.283 đồng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
Nhà máy in Sách Giáo khoa tại khu CN Cát Lái (*)	1.186.677.683	1.186.677.683
Mua sắm tài sản cố định	65.818.182	-
Cộng	1.252.495.865	1.186.677.683

(*) Xem nội dung tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 32.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	27.224.543	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	157.505.013
Cộng	27.224.543	157.505.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí thuê đất tại Cát Lái (*)	6.154.617.445	6.466.617.443
Chi phí sửa chữa nhà xưởng Long An	374.773.880	-
Chi phí khác	29.049.181	63.908.201
Cộng	6.558.440.506	6.530.525.644

(*) Đây là chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái, cụm II, Quận 2, TP Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 47 năm (từ năm 2006 đến năm 2053).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn	271.892.424	131.271.000
XN In II - Công ty TNHH MTV In Ba Đình	372.138.171	-
Các đối tượng khác	52.780.837	284.574.577
Cộng	696.811.432	415.845.577

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	536.263.602	262.146.816	795.259.979	-	3.150.439
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	19.522.581	-	19.522.581	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.072.876	82.668.709	32.601.858	-	60.139.727
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	637.074.908	1.246.450.907	637.074.908	-	1.246.450.907
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	1.202.933.967	1.594.266.432	1.487.459.326	-	1.309.741.073

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Lãi phải trả về vi phạm hợp đồng	234.960.000	234.960.000
Lãi phạt chậm nộp tiền thuê đất	8.892.058	8.892.058
Trích trước chi phí lãi vay	-	2.186.668
Phí kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	45.000.000	-
Chi phí hoạt động pháp lý 2024	42.410.000	-
Chi phí hoạt động nhà máy tháng 12/2024	31.046.545	-
Chi phí thuê dịch vụ kiểm tra hệ thống điện nhà máy Long An hợp đồng 03/2024/HĐDV-SAP	30.000.000	-
Chi phí phải trả khác	-	161.376.515
Cộng	392.308.603	407.415.241

17. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Tài sản thừa chờ giải quyết	51.249.544	-
Kinh phí công đoàn	4.436.984	28.264.320
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.601.162	272.013
Phải trả về nguyên vật liệu tiết kiệm được	35.668.461	35.668.461
Nhận ký quỹ, ký cược	440.000.000	36.800.000
Phải trả khác	9.348.975	39.348.975
Cộng	545.305.126	140.353.769

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh (*)	1.186.677.683	1.186.677.683
Nhận ký cược Công ty CP Trường Quốc tế TRINITY ONTARIO	3.000.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược khác	-	440.000.000
Cộng	4.186.677.683	1.626.677.683

(*) Đây là khoản tiền Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (NXB Thành phố) góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh tại Khu công nghiệp Cát Lái theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh và NXB Thành phố. Tuy nhiên, dự án này không tiếp tục triển khai, hai bên đã thanh lý hợp đồng. Theo đó, số tiền NXB Thành phố góp vào xây dựng dự án là 1.186.677.683 đồng thống nhất bảo lưu. Công ty có trách nhiệm chuyển nhượng Dự án và hoàn lại cho NXB Thành phố sau khi Dự án được triển khai tiếp tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư	1.186.677.683	1.186.677.683
Cộng		1.186.677.683	1.186.677.683

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn	333.650.653	-	333.650.653	-
Cộng	333.650.653	-	333.650.653	-

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2023	12.869.840.000	106.664.672	29.714.294	(6.275.048.445)
Tăng trong năm	-	-	-	183.061.128
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	12.869.840.000	106.664.672	29.714.294	(6.091.987.317)
Số dư tại 01/01/2024	12.869.840.000	106.664.672	29.714.294	(6.091.987.317)
Tăng trong năm	-	-	-	(2.672.425.713)
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	12.869.840.000	106.664.672	29.714.294	(8.764.413.030)

(*) Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 9.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm 31/12/2024, vốn góp thực tế của các cổ đông là 12.869.840.000 đồng. Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/01/2025 đã thông qua việc điều chỉnh vốn điều lệ phù hợp với vốn thực góp là 12.869.840.000 đồng. Hiện nay, Công ty đã và đang làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để điều chỉnh thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.151.700.000	4.151.700.000
Vốn góp của các cổ đông khác	8.718.140.000	8.718.140.000
Cộng	12.869.840.000	12.869.840.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu phổ thông	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu phổ thông	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(6.091.987.317)	(6.275.048.445)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(2.672.425.713)	183.061.128
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(8.764.413.030)	(6.091.987.317)

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Vật tư nhận gia công	Đơn vị tính	31/12/2024	01/01/2024
Giấy in các loại	Ram	-	1.523,58
Thùng Carton	Cái	-	2.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu hoạt động in ấn	3.813.712.646	5.910.908.716
Doanh thu khác	3.847.337.859	2.965.507.782
Cộng	7.661.050.505	8.876.416.498

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn hoạt động in ấn	5.440.904.064	6.527.383.061
Giá vốn khác	606.717.784	375.872.824
Chi phí giai đoạn di dời nhà xưởng	667.417.868	-
Xử lý chênh lệch kiểm kê	170.382.106	-
Cộng	6.885.421.822	6.903.255.885

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi	2.613.429	28.173.602
Cộng	2.613.429	28.173.602

24. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	13.226.227	87.633.641
Cộng	13.226.227	87.633.641

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Cước vận chuyển	100.438.535	168.322.978
Các khoản khác	11.594.000	6.352.000
Cộng	112.032.535	174.674.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên quản lý	1.844.560.204	1.121.710.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.201.057	35.135.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.318.628.494	230.500.000
Các khoản khác	834.105.885	681.802.056
Cộng	4.040.495.640	2.069.148.154

26. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	641.500.000	336.373.629
Thu nhập từ tiết kiệm nguyên vật liệu nhận gia công	163.799.578	196.652.100
Thu nhập khác	34.800.003	3.953.492
Cộng	840.099.581	536.979.221

27. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Phạt vi phạm hợp đồng	100.000.000	-
Phạt hành chính	24.995.767	-
Các khoản khác	17.237	4.272.954
Cộng	125.013.004	4.272.954

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.672.425.713)	202.583.709
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	925.698.958	(104.970.805)
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không được trừ)	1.425.698.958	393.563.506
- Điều chỉnh giảm	500.000.000	498.534.311
+ Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	500.000.000	-
+ Chuyển lỗ	-	498.534.311
Tổng thu nhập chịu thuế	(1.746.726.755)	97.612.904
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	19.522.581
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	19.522.581
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.672.425.713)	183.061.128
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.672.425.713)	183.061.128
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.286.984	1.286.984
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	(2.077)	142

(*) Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024, Công ty không phát sinh các ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	885.613.707	1.211.048.122
Chi phí nhân công	3.536.145.598	4.487.366.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.921.304	67.397.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.259.830.498	1.856.027.118
Chi phí khác	2.224.438.890	1.219.583.040
Cộng	11.037.949.997	8.841.422.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Công ty hoạt động trong một bộ phận địa lý chính là Việt Nam và các bộ phận kinh doanh sau:

	Hoạt động in ấn		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu thuần	3.813.712.646	5.910.908.716	3.847.337.859	2.965.507.782	7.661.050.505	8.876.416.498
Giá vốn	5.440.904.064	6.527.383.061	1.444.517.758	375.872.824	6.885.421.822	6.903.255.885
Lợi nhuận gộp của bộ phận	(1.627.191.418)	(616.474.345)	2.402.820.101	2.589.634.958	775.628.683	1.973.160.613
Doanh thu không phân bổ					842.713.010	565.152.823
Chi phí không phân bổ					4.290.767.406	2.335.729.727
Tổng LNKT trước thuế					(2.672.425.713)	202.583.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

32. Cam kết khác

Dự án xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa Công ty (Bên A) với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh (NXBGD tại Tp.HCM (Bên B)), hai bên hợp tác góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa TP. Hồ Chí Minh tại Lô số B1, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái Cụm II – Giai đoạn 2.

Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng toàn bộ khu đất diện tích 10.000 m² tại KCN Cát Lái và NXBGD tại TP.HCM góp vốn bằng toàn bộ chi phí xây dựng trên diện tích đất nêu trên. Kết quả kinh doanh được phân chia trên cơ sở kết quả lợi nhuận hoặc lỗ và rủi ro theo tỷ lệ 60% cho Công ty và 40% cho NXBGD tại TP.HCM. Thời gian tính phân chia kết quả kinh doanh là 20 năm kể từ khi công trình được đưa vào khai thác sử dụng.

Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa nêu trên đã chậm trễ và kéo dài trong nhiều năm qua do sự cố ngoài ý muốn.

Do việc triển khai dự án này quá chậm nên hai bên tham gia liên doanh thống nhất thanh lý trước hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 với các nội dung chính như sau:

- Chi phí đầu tư xây dựng là 1.186.677.683 đồng thuộc về trách nhiệm của NXBGD tại TP.HCM theo cam kết ban đầu (trong đó chi phí xây dựng tường rào của dự án là 1.063.949.681 đồng, chi phí thiết kế là 122.728.002 đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2013, NXBGD tại TP.HCM đã chuyển cho Công ty số tiền là 1.186.677.683 đồng.
- Số tiền NXBGD tại TP.HCM đã đầu tư vào dự án là 1.186.677.683 đồng được thống nhất bảo lưu; “Bên A có trách nhiệm chuyển nhượng lại Dự án và hoàn lại cho Bên B sau khi Dự án được triển khai tiếp tục”.

Hiện nay, Công ty đang tạm dừng thực hiện dự án xây dựng công trình Nhà máy in sách giáo khoa do chưa có kinh phí.

Liên quan đến quyền thuê đất tại Lô số B1, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái Cụm II – Giai đoạn 2:

Ngày 05/10/2006, Công ty Quản lý và Phát triển nhà Q2 KCN Cát Lái 2 và Công ty đã ký hợp đồng cho thuê lại đất số 01/HĐTĐ-KCN tại Lô số B1, đường K1 trong KCN Cát Lái Cụm II – Giai đoạn 2; mục đích thuê: để xây dựng văn phòng nhà xưởng sản xuất; diện tích thuê 10.000 m². Thời gian thuê 47 năm kể từ ngày ký biên bản bàn giao cột mốc (17/01/2006 đến ngày 17/01/2053). Theo thỏa thuận tại hợp đồng 01/HĐTĐ-KCN thì đơn giá thuê là 17.021,3 USD/10.000m²/năm (ổn định trong suốt thời gian thuê 47 năm), tổng giá trị tiền thuê đất phải trả (đã bao gồm thuế GTGT) là 880.000 USD.

Trong khi Công ty đã hoàn thành việc thanh toán 11.762.060.000 đồng (tương đương 655.000 USD theo tỷ giá tại các thời điểm thanh toán tương ứng) thì Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 đề nghị điều chỉnh đơn giá và diện tích cho thuê. Cho đến thời điểm hiện nay, hai bên vẫn đang làm việc để thống nhất các nội dung này.

Theo kế hoạch đề ra Công ty sẽ tiếp tục triển khai các công tác thực hiện dự án ngay sau khi thống nhất số tiền phải thanh toán còn lại và hoàn tất việc huy động vốn thực hiện dự án. Công ty đang tạm thời sử dụng lô đất này để cho thuê lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời. Do đó, Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	696.811.432	-	696.811.432
Chi phí phải trả	392.308.603	-	392.308.603
Phải trả khác	485.017.436	4.186.677.683	4.671.695.119
Cộng	1.574.137.471	4.186.677.683	5.760.815.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	415.845.577	-	415.845.577
Chi phí phải trả	407.415.241	-	407.415.241
Vay và nợ thuê tài chính	333.650.653	-	333.650.653
Phải trả khác	111.817.436	1.626.677.683	1.738.495.119
Cộng	1.268.728.907	1.626.677.683	2.895.406.590

Giám đốc cho rằng Công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.014.896.740	-	1.014.896.740
Phải thu khác	1.772.000.000	-	1.772.000.000
Cộng	2.786.896.740	-	2.786.896.740

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	939.701.047	-	939.701.047
Phải thu khách hàng	504.309.017	-	504.309.017
Phải thu khác	633.400.000	-	633.400.000
Cộng	2.077.410.064	-	2.077.410.064

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vạn Thương	Chung người quản lý chủ chốt

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ in ấn	2.855.555.443	4.031.141.384
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vạn Thương	Đặt cọc thuê máy in	1.172.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ		Năm 2024	Năm 2023
Ông Lâm Drachan	Giám đốc	Lương, thưởng	138.973.385	265.425.385
Ông Nguyễn Đình Sáng	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	182.905.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Cúc	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	125.498.738	220.590.791

(*) Các thành viên chủ chốt còn lại không nhận lương, thưởng.

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.



Giám đốc

Lê Phi Long

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Ánh Trương Thế Bá Long

Người lập biểu

